

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

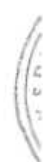
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY
01/02/2011 ĐẾN NGÀY 31/ 12/2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Khiêm	Chủ tịch
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Phạm Văn Quý	Thành viên
Ông Trần Văn Thắng	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Trí Hội	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Trí Hội

Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		161.505.645.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	120.457.635.194
1. Tiền	111		2.757.635.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		117.700.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.208.179.043
1. Phải thu của khách hàng	131		3.281.455.783
2. Trả trước cho người bán	132		6.137.599.927
3. Các khoản phải thu khác	135	6	8.789.123.333
III. Hàng tồn kho	140	7	21.300.895.460
1. Hàng tồn kho	141		21.300.895.460
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.538.936.159
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.224.130.248
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		304.805.911
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		34.612.117.239
I. Tài sản cố định	220		32.896.062.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	18.685.782.155
- Nguyên giá	222		21.441.382.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.755.600.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	14.210.280.196
- Nguyên giá	228		14.417.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(207.546.804)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.716.054.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.706.054.888
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		<u>196.117.763.095</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		56.379.837.271
I. Nợ ngắn hạn	310		56.159.944.105
1. Phải trả cho người bán	312		39.908.349.911
2. Người mua trả tiền trước	313		7.396.037.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	941.888.724
4. Phải trả người lao động	315		2.246.358.337
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	3.465.454.400
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.201.855.051
II. Nợ dài hạn	330		219.893.166
1. Phải trả dài hạn khác	333		50.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		169.893.166
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		139.737.925.824
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	139.737.925.824
1. Vốn điều lệ	411		125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.765.131.997
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.382.565.999
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.590.227.828
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		196.117.763.095



Dương Trí Hội

Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Phạm Văn Quý
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.338.470.553.782
2. Các khoản giảm trừ	02		21.902.948.660
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	2.316.567.605.122
4. Giá vốn hàng bán	11	14	2.255.194.263.353
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.373.341.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	14.556.352.739
7. Chi phí tài chính	22		51.420.015
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	24		17.751.661.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.951.797.313
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		37.174.816.115
11. Thu nhập khác	31		12.519.573
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.519.573
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.187.335.688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	9.536.015.742
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		27.651.319.946



Dương Trí Hội
Giám đốc
Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Phạm Văn Quý
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.187.335.688
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	1.790.189.617
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(14.561.130.516)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.416.394.789
(Tăng) các khoản phải thu	09	(10.526.780.287)
Giảm hàng tồn kho	10	49.126.382.924
(Giảm) các khoản phải trả	11	(32.372.242.213)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(410.927.918)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(16.460.517.657)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.942.032.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.830.277.292
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.013.263.057)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	205.570.669
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.556.352.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.748.660.351
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.321.960.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.321.960.502)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.256.977.141
Tiền và tương đương tiền tăng do chuyển đổi	60	119.200.658.053
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	120.457.635.194



Dương Trí Hội

Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Phạm Văn Quý
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Công ty có bốn (4) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước và Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 64 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh dịch vụ logistic; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo đó báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-20
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2-5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và thời gian sử dụng ước tính cụ thể như sau:

Phần mềm
Quyền sử dụng đất

Năm
4
32-50

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011
	<u>VND</u>
Tiền mặt	346.619.857
Tiền gửi ngân hàng	2.411.015.337
Các khoản tương đương tiền	117.700.000.000
	<u>120.457.635.194</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 12%/năm đến 14%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011
	<u>VND</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	8.472.093.333
Phải thu khác	317.030.000
	<u>8.789.123.333</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011
	<u>VND</u>
Hàng hóa	21.300.895.460
	<u>21.300.895.460</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>21.300.895.460</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/02/2011	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	4.238.561.034	1.906.325.365	2.404.576.634	8.549.463.033
Mua trong năm	12.587.426.135	-	425.836.922	13.013.263.057
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	95.927.545	-	-	95.927.545
Thanh lý tài sản	(187.971.034)	-	(29.300.000)	(217.271.034)
Tại ngày 31/12/2011	<u>16.733.943.680</u>	<u>1.906.325.365</u>	<u>2.801.113.556</u>	<u>21.441.382.601</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/02/2011	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	49.419.170	190.797.338	876.229.470	1.116.445.978
Khấu hao trong năm	596.879.744	290.016.993	768.735.873	1.655.632.610
Thanh lý tài sản	(15.664.254)	-	(813.888)	(16.478.142)
Tại ngày 31/12/2011	<u>630.634.660</u>	<u>480.814.331</u>	<u>1.644.151.455</u>	<u>2.755.600.446</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>16.103.309.020</u>	<u>1.425.511.034</u>	<u>1.156.962.101</u>	<u>18.685.782.155</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 448.013.724 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/02/2011	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	14.362.577.000	55.250.000	14.417.827.000
Tại ngày 31/12/2011	14.362.577.000	55.250.000	14.417.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/02/2011	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	34.850.912	38.138.885	72.989.797
Khấu hao trong năm	129.513.628	5.043.379	134.557.007
Tại ngày 31/12/2011	164.364.540	43.182.264	207.546.804
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	14.198.212.460	12.067.736	14.210.280.196

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Số dư đầu kỳ	-
Tăng do chuyển đổi	92.473.927
Tăng trong kỳ	3.341.445.775
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(2.559.664.814)
Số dư cuối kỳ	1.706.054.888

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Thuế thu nhập cá nhân	941.888.724
	941.888.724

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND
Phải trả Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	317.030.000
Phải trả, phải nộp khác	3.148.424.400
	3.465.454.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/02/2011	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	125.000.000.000	538.783.585	269.391.792	3.771.485.125	129.579.660.502
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	27.651.319.946	27.651.319.946
Trích từ lợi nhuận (1)	-	2.765.131.997	1.382.565.999	(8.311.092.118)	(4.163.394.122)
Trả cổ tức (2)	-	(538.783.585)	(269.391.792)	(12.521.485.125)	(13.329.660.502)
Số dư tại 31/12/2011	125.000.000.000	2.765.131.997	1.382.565.999	10.590.227.828	139.737.925.824

(1): Trong kỳ, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐNB ngày 4 tháng 3 năm 2011, Công ty đã tiến hành trích quỹ Đầu tư phát triển là 2.765.131.999 đồng, quỹ Dự phòng tài chính là 1.382.565.997 đồng và quỹ Khen thưởng phúc lợi là 4.163.394.122 đồng từ lợi nhuận trong kỳ.

(2): Trong kỳ, Công ty đã tiến hành chi cổ tức 12.513.785.125 đồng từ lợi nhuận trong năm bao gồm 3.771.485.125 đồng được trích từ lợi nhuận giai đoạn từ 01/01/2011 đến 31/01/2011 và 8.742.300.000 đồng từ lợi nhuận trong kỳ căn cứ theo công văn số 288/PBHC - HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2011 về việc tạm ứng cổ phiếu đợt 1 năm 2011 với mức chi là 7% mệnh giá cổ phần.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn điều lệ VND	%	Vốn góp tại ngày 31/12/2011 VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	75%
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	25%
	<u>125.000.000.000</u>		<u>125.000.000.000</u>	

Cổ phần phát hành

	31/12/2011
Cổ phần được phép phát hành	
Số lượng cổ phần	12.500.000
Mệnh giá - VND/cổ phần	10.000
Tổng giá trị - VND	<u>125.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong kỳ, Công ty chủ yếu thực hiện các hoạt động bán buôn, bán lẻ các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

Doanh thu – Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Doanh thu phân bón	2.306.984.736.068
Doanh thu hóa chất	25.713.998.858
Doanh thu khác	5.771.818.856
	2.338.470.553.782
Chiết khấu thương mại	(21.902.948.660)
	2.316.567.605.122
	Từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Giá vốn phân bón	2.225.636.241.580
Giá vốn hóa chất	24.625.645.682
Giá vốn khác	4.932.376.091
	2.255.194.263.353

Trong kỳ, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Do đó Công ty không trình bày báo cáo tài chính theo khu vực địa lý.

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong kỳ hoạt động.

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/02/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.434.028.662
Chi phí nhân công	18.679.413.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.790.189.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.559.571.653
Chi phí khác	2.291.462.316
	43.754.665.702

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011
VND

Lợi nhuận trước thuế	37.187.335.688
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	956.727.282
Thu nhập chịu thuế	38.144.062.970
Thuế suất	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.536.015.742
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	-
Cộng	9.536.015.742

18. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011
VND

Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.386.200.000
--	---------------

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011
	VND
Trong vòng một năm	1.983.600.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	165.300.000
Sau năm năm	-
	2.148.900.000

Khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện tổng diện tích thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 tòa nhà PVFCCo SBD Building với tổng giá thuê 165.300.000 đồng/tháng (đã bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn hai năm từ ngày 1 tháng 2 năm 2011 đến 31 tháng 1 năm 2013.

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.
Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ

31/12/2011

VND

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

120.457.635.194

Phải thu khách hàng và phải thu khác

18.208.179.043

Tổng cộng

138.665.814.237

Công nợ tài chính

Phải trả khách hàng và phải trả khác

50.769.841.993

Chi phí phải trả

-

Tổng cộng

50.769.841.993

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	50.769.841.993	-	50.769.841.993
Chi phí phải trả	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.457.635.194		120.457.635.194
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.208.179.043		18.208.179.043

20. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011
VND

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	6.611.930.347
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung	3.445.751.804
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu Khí DMC Miền Nam	31.224.729.315
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu Khí - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí - Chi nhánh Miền Trung	2.061.652.132
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch	17.707.619.049
Tổng Công ty Tài chính dầu khí Việt Nam	7.070.000.000
	85.799.980.947
	3.052.459.800
	2.134.722.223

Mua hàng hóa và dịch vụ

Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	473.053.751.495
Công ty Cổ phần bao bì Đạm Phú Mỹ	1.551.600.421.164
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam	9.960.019.047
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC Miền Nam	1.286.400.000
Tổng công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu Khí	14.401.329.036
	4.905.333.334
	2.988.402.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ ngày 01/02/2011
đến ngày 31/12/2011
VND

Lương và các khoản phúc lợi khác 3.091.086.897

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

31/12/2011
VND

Phải thu

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần 555.056.731

Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần 460.058.679

Phải thu khác

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần 8.472.093.333

Phải trả

Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam 2.000.000.000

Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần 34.618.257.800

Ứng trước nhà cung cấp

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần 5.615.097.357

Phải trả khác

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần 317.030.000

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính lập cho năm tài chính từ khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp ngày 01 tháng 02 năm 2011 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần) đến 31 tháng 12 năm 2011. Theo thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa từ doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số phát sinh của doanh nghiệp mới. Theo đó, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty dưới hình thức cổ phần và không có số liệu so sánh được trình bày.



Đương Trí Hội
Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

Phạm Văn Quý
Kế toán trưởng